TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thế Dũng

2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2018/TLST-DSĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Kp3/69A, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Chị Trương Thị Kim L, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ô1/248, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2018 và biên bản lấy lời khai ngày 15-6-2018, chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Ngày 04-8-2017, chị có cho chị Trương Thị Kim L vay số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 29-8-2017 chị L vay thêm số tiền 10.000.000 đồng và ngày 02-9-2017 chị L vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng. Cả 03 lần vay đều có làm giấy mượn tiền. Khi vay chị và chị L có thỏa thuận chị L trả góp cho chị mỗi ngày

100.000 đồng trong 04 tháng trên số tiền 10.000.000 đồng, nếu không góp đủ thì chuyển sang vay tính lãi 2%/tháng. Nhưng sau khi vay, chị L không góp đầy đủ cho chị. Tháng 4-2018, chị có khởi kiện yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L xin được trả dần nên chị và chị L có gút số tiền chị L đã góp được là 3.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng và chị L có làm giấy cam kết đề ngày 07-5-2018 do chị L ghi và ký tên nên chị đồng ý rút đơn khởi kiện. Chị L cam kết ngày 01-4-2018 (AL) tức ngày 15-5-2018 (DL) trả cho chị 2.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền 20.000.000 đồng mỗi ngày góp cho chị 150.000 đồng từ ngày 02-4-2018 (AL) cho đến khi hết nợ. Nhưng từ ngày viết giấy cam kết đến nay, chị L không góp tiền cho chị. Nay chị yêu cầu chị L trả lại cho chị số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Trương Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng chị L thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc chị L có trách nhiệm trả cho chị N số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn chị Trương Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Chị N cho rằng chị có cho chị L vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng, bao gồm các lần vay: Ngày 04-8-2017, vay số tiền 10.000.000 đồng; ngày 29-8-2017 vay số tiền 10.000.000 đồng và ngày 02-9-2017 vay số tiền 5.000.000 đồng. Và chị N cũng đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền cho cả 03 lần vay nêu trên. Do chị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 4-2018, chị N khởi kiện yêu cầu chị L trả nợ. Ngày 07-5-2018 giữa chị N và chị L đã gút lại số tiền chị L đã góp được là 3.000.000 đồng, chị L thừa nhận còn nợ chị N số tiền gốc là 22.000.000 đồng và cam kết ngày 01-4-2018 (AL) tức ngày 15-5-2018 (DL) trả cho chị N 2.000.000 đồng, còn lại số

tiền 20.000.000 đồng mỗi ngày chị L sẽ góp cho chị Nga số tiền 150.000 đồng bắt đầu góp từ ngày 02-4-2018 (AL) tức ngày 16-5-2018 cho đến khi hết nợ nên chị N đồng ý rút đơn, Tòa án đình chỉ vụ án. Nhưng sau khi làm giấy cam kết ngày 07-5-2018 cho đến nay, chị L không trả nợ cho chị N như thỏa thuận. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị Trương Thị Kim L để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng chị L vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Qua thu thập chứng cứ là các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thụ lý số 85/2018/TLST-DS ngày 19-4-2018, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho chị L (bút lục số 44), đến ngày 07-5-2018 chị L và chị N đã thống nhất số tiền còn nợ và giấy cam kết được lập tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu nên chị N đồng ý rút đơn khởi kiện và Tòa án đã tống đạt Quyết định đình chỉ cho chị L cùng ngày 07-5-2018 (bút lục số 45). Từ những nhận định trên cho thấy chị L có vay và còn nợ của chị N số tiền gốc 22.000.000 đồng là đúng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Đối với tiền lãi chị N không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nguyễn Thị Bích N đối với chị Trương Thị Kim L về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Trương Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền nợ gốc 22.000.000 *(Hai mươi hai triệu)* đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 1.100.000 *(Một triệu một trăm nghìn)* đồng.

Hoàn trả cho chị N số tiền 550.000 *(Năm trăm năm mươi nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013559 ngày 08-6-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG